

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2022/HNGĐ - ST.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022

“V/v Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hà Giang;

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tân;

Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Anh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2021/TLST – HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2021 về việc: “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2022/QĐST – HPT ngày 05 tháng 4 năm 2022 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị T, sinh ngày 08/8/1987. Nơi làm việc: Công ty TNHH TM DV C– địa chỉ: khu 12, thôn Tăng Nhi, xã Đ, huyện T, tỉnh Phú Thọ. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh LEE Y, sinh ngày 21/7/1980, quốc tịch: Hàn Quốc. Nơi cư trú: 1/6 Nammun –ro 143 Beon –gill Sujeong-gu, Seongnam –si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28/6/2021 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Lương Thị T trình bày: Chị và anh LEE Y kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 26/4/2013 tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2016 thì vợ chồng phát sinh

mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách của hai vợ chồng không hợp, không tìm được tiếng nói chung. Đặc biệt, từ khi chị sinh con, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn về quan điểm sống và việc chăm sóc con khiến cuộc sống vợ chồng ngày càng mâu thuẫn hơn. Đến tháng 02/2018 anh LEE Y về Hàn Quốc sinh sống cùng gia đình cho đến nay. Do khoảng cách địa lý xa xôi mỗi người sống ở một nước khiến vợ chồng ngày càng xa cách. Chị và anh LEE Y sống ly thân từ tháng 02/2018 đến nay. Nay chị nhận thấy tình trạng hôn nhân chỉ còn tồn tại về mặt pháp lý, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân trên thực tế không đạt được, nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh LEE Y, để ổn định cuộc sống cho chị và con.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Lee Ji Woo Di M, sinh ngày 09/10/2016. Hiện nay đang sống cùng chị ở Việt Nam. Khi ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh LEE Y phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận về tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không nợ ai, không cho ai vay nợ, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phía bị đơn anh LEE Y có quốc tịch Hàn Quốc. Do vậy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện ủy thác tư pháp đến Tòa án tối cao Hàn Quốc để tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh LEE Y tại địa chỉ: 1/6 Nammun –ro 143 Beon – gill Sujeong-gu, Seongnam –si, Gyeonggi-do, Hàn Quốc. Nhưng cơ quan có thẩm quyền của Hàn Quốc không tổng đạt được với lý do không rõ địa chỉ của anh LEE Y.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng qui định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; Điều 37; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; điểm a, khoản 5 Điều 27 NQ số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX sơ thẩm:

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị T được ly hôn anh Lee Yong B.
2. Về con chung: Giao cháu: Lee Ji Woo Di M, sinh ngày 09/10/2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh Lee Yong B không phải cấp dưỡng nuôi con.
3. Về án phí: chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Anh LEE Y là người nước ngoài, chị T có nơi làm việc tại tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ theo khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Trong vụ án này anh LEE Y không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 2 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi Tòa án ủy thác tư pháp, ngày 07/9/2021 Tòa án quận Suwon-chi nhánh Seongnam do người đứng đầu tòa án Jung Do Chang đã gửi văn bản trên đến địa chỉ mà Tòa án đã ủy thác nhưng không tổng đạt được với lý do không rõ địa chỉ của anh LEE Y. Sau khi được Bộ tư pháp trả kết quả ủy thác thì chị Lương Thị T đã làm đơn thể hiện không thể cung cấp thêm địa chỉ nào khác của anh LEE Y và đề nghị Tòa án tiến hành các thủ tục để thông báo trên cổng thông tin điện tử của Tòa án và Cổng thông tin điện tử của Cơ quan đại diện Việt Nam ở Hàn Quốc. Ngày 14/3/2022, Đại sứ Quán Việt Nam tại Hàn Quốc có văn bản số 238/ĐSQ – LS thể hiện ngày 11/3/2022 đã niêm yết công khai và thông báo trên cổng thông tin điện tử của Đại Sứ Quán; Ngày 27/01/2022 đã thông báo trên cổng thông tin điện tử của Tòa án các văn bản liên quan đến vụ án hôn nhân và gia đình nêu trên. Trong trường hợp này Tòa án không phải tổng đạt lại văn bản tố tụng cho anh LEE Y. Hết thời hạn 01 tháng kể từ ngày 11/3/2022, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh LEE Y được quy định tại điểm c khoản 6 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Chị Lương Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt chị T.

[2]. Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T và anh LEE Y trước khi kết hôn có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 26/4/2013 tại Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị T và anh LEE Y thời gian đầu theo như chị T khai vợ chồng sống hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh khoảng năm 2016 nguyên nhân do tính cách của hai vợ chồng không hợp, không tìm được tiếng nói chung, về việc chăm sóc cho con. Từ

tháng 02/2018 đến nay chị T và anh LEE Y sống ly thân do anh LEE Y về Hàn Quốc sinh sống cùng gia đình không liên lạc và quan tâm gì đến chị và con chung. Do vậy, có căn cứ để xác định tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh LEE Y đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho chị T được ly hôn với anh LEE Y là phù hợp với khoản 1 điều 56 của luật Hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Chị T xác định chị và anh LEE Y có 01 con chung là cháu Lee Ji Woo Di M, sinh ngày 09/10/2016. Hiện nay, cháu Lee Ji Woo Di M đang sống cùng chị ở Việt Nam và do chị T nuôi dưỡng nên chị có đủ điều kiện để nuôi con chung, bản thân anh LEE Y từ khi về Hàn Quốc đến nay không quan tâm, trách nhiệm gì với con chung và cũng không biết địa chỉ của anh LEE Y. Do vậy, cần giao cho chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lee Ji Woo Di M là phù hợp với Điều 81,82,83 luật hôn nhân và gia đình. Anh LEE Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về chi phí tố tụng khác: Chị T xin tự nguyện chịu và không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, không đặt ra xem xét.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[3]. Về quyền kháng cáo đối với bản án : Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 điều 56 của luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 điều 35, điểm c khoản 1 điều 37; khoản 4 điều 147; khoản 2 điều 207; điểm c khoản 6 Điều 477; điểm a khoản 1 điều 228; điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị T được ly hôn anh LEE Y.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Lương Thị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lee Ji Woo Di M, sinh ngày 09/10/2016 đến khi cháu thành niên. Anh LEE Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì chị T tự nguyện không yêu cầu.

[3]. Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí: Chị Lương Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền lệ phí ủy thác tư pháp. Xác nhận chị T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0004456 ngày 05/7/2021 và 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004464 ngày 19/7/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[4]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Thời hạn kháng cáo của anh LEE Y là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Tàn

Nguyễn Ngọc Thắng

Nguyễn Hà Giang

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Các đ-ơng sự;
- UBND thành phố Hải Phòng;
- L- u hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hà Giang